NHẬN DIỆN VÀ KHẮC PHỤC NHỮNG YẾU TỐ TÂM LÝ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THỊ MINH HẢI
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 16/9/2026. Sửa chữa xong 18/10/2026. Duyệt đăng 24/10/2026.

Abstract

Political theory courses in higher education provide students with foundational knowledge of Marxism–Leninism, Ho Chi Minh Thought, the revolutionary guidelines of the Communist Party of Vietnam, and related political theories. These courses also contribute to the development of scientific thinking, the ability to analyze and evaluate social phenomena, and a sense of responsibility toward oneself and the community. This article identifies psychological factors affecting Hai Duong University students' learning of political theory courses and proposes measures to strengthen their learning motivation, interest, engagement, and academic performance.

Keywords: *Hai Duong University, learning interest, learning motivation, political theory, psychological factors, students.*

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục đại học, các môn Lý luận chính trị (LLCT) giữ vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên (SV) thế giới quan, phương pháp luận khoa học, góp phần hình thành bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội. Thông qua các môn học này, SV không chỉ được tiếp cận hệ thống tri thức lý luận mà còn có điều kiện rèn luyện tư duy phân tích, khả năng nhận thức và vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tuy nhiên, do đặc thù nội dung có tính khái quát, trừu tượng, hệ thống kiến thức tương đối rộng và đòi hỏi khả năng tư duy logic, việc học tập các môn LLCT đôi khi chưa tạo được hứng thú và động lực tích cực cho một bộ phận SV. Trong quá trình học tập, các yếu tố tâm lý như nhận thức, động cơ, hứng thú, thái độ, sự tự tin, khả năng tập trung và áp lực tâm lý có ảnh hưởng đáng kể đến tính chủ động, tích cực cũng như kết quả học tập của SV. Khi chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa môn học, thiếu động cơ học tập hoặc gặp trở ngại về tâm lý, SV dễ xuất hiện tình trạng học tập thụ động, ngại nghiên cứu, học đối phó và hạn chế khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy, môi trường học tập và sự tương tác giữa giảng viên (GV) với SV cũng có thể tác động đến việc hình thành và duy trì hứng thú học tập. Đối với SV Trường Đại học Hải Dương, việc nhận diện và khắc phục những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến học tập các môn LLCT là vấn đề có ý nghĩa thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả giáo dục toàn diện.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận diện những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến việc học tập các môn Lý luận chính trị của sinh viên Trường Đại học Hải Dương

2.1.1. Nhận thức của sinh viên về vai trò và ý nghĩa của các môn Lý luận chính trị

Khi SV hiểu rõ ý nghĩa của các môn học đối với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị và trách nhiệm xã hội, các em sẽ có động cơ học tập tích cực hơn. Tuy nhiên,

Email: nguyenthiminhhaidhhd@gmail.com

do đặc điểm nội dung có tính khái quát, trừu tượng, một bộ phận SV có thể cho rằng các môn LLCT ít liên quan trực tiếp đến chuyên ngành đào tạo. Ví dụ, đối với SV nhóm ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh, các em có thể ưu tiên kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng phân tích tài chính, quản lý và điều hành doanh nghiệp, trong khi chưa nhận thức đầy đủ vai trò của tư duy biện chứng, quan điểm lịch sử - cụ thể và phương pháp luận khoa học trong giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Đối với SV ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện và Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, tâm lý tập trung vào kiến thức chuyên môn, thực hành và công nghệ có thể khiến các em xem nhẹ những nội dung lý luận. Biểu hiện này có thể dẫn đến tình trạng học tập mang tính đối phó, thiếu sự đầu tư và chưa chủ động liên hệ kiến thức với thực tiễn nghề nghiệp. Nghiên cứu của Ngô Thị Phương Lan (2024) cũng chỉ ra rằng mặc dù SV nhận thức được mục đích của các môn LLCT nhưng nhiều người vẫn đánh giá nội dung môn học còn trừu tượng, khó tiếp thu và khó vận dụng vào thực tiễn. Đây là cơ sở để khẳng định cần quan tâm đến nhận thức của SV về giá trị và tính ứng dụng của môn học.

2.1.2. Động cơ học tập của sinh viên

Trong quá trình học tập các môn LLCT, động cơ của SV có thể xuất phát từ nhu cầu mở rộng tri thức, hoàn thiện nhận thức chính trị, rèn luyện tư duy hoặc từ những yêu cầu bên ngoài như điểm số, kiểm tra và điều kiện hoàn thành học phần. Ví dụ, SV ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non và Sư phạm Ngữ văn có thể quan tâm đến việc vận dụng kiến thức lý luận để hình thành phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên. Trong khi đó, SV ngành Marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể chú trọng nhiều hơn đến các kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng với thị trường lao động. Nếu chưa nhận thức được mối liên hệ giữa kiến thức lý luận với yêu cầu nghề nghiệp, SV dễ hình thành động cơ học tập thiên về đối phó với thi cử. Ví dụ, SV chỉ tập trung ghi nhớ các khái niệm, nguyên lý trước kỳ thi mà không chủ động tìm hiểu những vấn đề thực tiễn liên quan. Nguyễn Thị Phương Dung (2025) khi nghiên cứu về động lực học tập trực tuyến các môn LLCT đã nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét các yếu tố tác động đến động lực của người học trong bối cảnh chuyển đổi số. Vì vậy, động cơ học tập cần được nhận diện ở cả phương diện mục tiêu bên trong và những tác động bên ngoài đối với SV.

2.1.3. Hứng thú học tập đối với các môn Lý luận chính trị

Hứng thú học tập biểu hiện ở sự quan tâm, yêu thích và mong muốn tìm hiểu nội dung môn học, góp phần duy trì sự chú ý và thúc đẩy hoạt động nhận thức. Tuy nhiên, nội dung các môn LLCT có nhiều khái niệm, phạm trù và nguyên lý mang tính khái quát nên nếu phương pháp học tập chủ yếu là nghe giảng, ghi chép và ghi nhớ thì SV dễ xuất hiện tâm lý nhàm chán. Ví dụ, đối với SV ngành Công nghệ thông tin, khi học về quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất, nếu chỉ tiếp cận thông qua định nghĩa và nội dung lý thuyết thì việc hiểu bài có thể gặp khó khăn. Ngược lại, nếu được liên hệ với quá trình tích lũy kiến thức lập trình, rèn luyện kỹ năng công nghệ và phát triển sản phẩm phần mềm, SV sẽ có điều kiện nhận thức rõ hơn ý nghĩa của quy luật. Đối với SV ngành Giáo dục Mầm non, nội dung về quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội có thể được minh họa thông qua ảnh hưởng của môi trường gia đình, nhà trường và cộng đồng đối với quá trình hình thành nhân cách trẻ em. Nghiên cứu của Lê Thanh Hòa và Lại Quang Ngọc (2023), với 625 SV tham gia khảo sát về hứng thú học tập trực tuyến các môn LLCT, cho thấy đây là vấn đề cần được quan tâm trong quá trình tổ chức dạy học. Như vậy, hứng thú học tập không chỉ phụ thuộc vào đặc điểm cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng của phương pháp giảng dạy và khả năng gắn kết kiến thức với chuyên ngành.

2.1.4. Sự tự tin và niềm tin vào năng lực bản thân

Một số SV có thể hiểu nội dung bài học nhưng còn e ngại khi phát biểu, sợ trả lời sai hoặc lo lắng khi tranh luận trước tập thể. Chẳng hạn, SV ngành Giáo dục Chính trị và Sư phạm Lịch sử khi được giao nhiệm vụ phân tích một vấn đề chính trị - xã hội có thể gặp áp lực trong việc lựa chọn luận cứ và bảo vệ quan điểm. SV ngành Kế toán hoặc Kỹ thuật điện có thể chưa quen với việc trình bày, phản biện những vấn đề mang tính lý luận nên thường có tâm lý phụ thuộc vào nội dung GV cung cấp. Sự thiếu tự tin nếu kéo dài

có thể khiến SV hạn chế tham gia hoạt động nhóm, ít đặt câu hỏi và thiếu chủ động trong quá trình học tập. Ngược lại, SV có niềm tin vào năng lực bản thân thường sẵn sàng tiếp nhận nhiệm vụ khó, kiên trì tìm hiểu và chủ động trao đổi khi gặp vướng mắc (Trần Quốc Hưng, 2025). Vì vậy, cần nhận diện yếu tố này để đánh giá đúng những trở ngại tâm lý ảnh hưởng đến khả năng thể hiện năng lực của SV.

2.1.5. Trạng thái cảm xúc và tâm lý lo lắng trong học tập

Cảm xúc có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tập trung, khả năng tiếp nhận thông tin và mức độ tham gia của SV. Trong quá trình học tập các môn LLCT, SV có thể xuất hiện những cảm xúc tích cực như hứng thú, tự tin, hào hứng hoặc những cảm xúc tiêu cực như lo lắng, căng thẳng, chán nản và thất vọng. Chẳng hạn, SV ngành Giáo dục Thể chất có thể gặp khó khăn khi phải dành thời gian chuyển đổi từ các hoạt động thực hành chuyên môn sang việc nghiên cứu những nội dung lý luận có tính trừu tượng. SV ngành Ngôn ngữ Anh có thể gặp tâm lý ngại tiếp cận các thuật ngữ chính trị, triết học và những nội dung đòi hỏi khả năng diễn đạt bằng tiếng Việt theo văn phong khoa học. Những khó khăn này nếu không được hỗ trợ có thể làm giảm sự tự tin và hứng thú học tập. Nghiên cứu của Xie và cộng sự (2025) về cảm xúc học tập cho thấy cảm xúc có mối liên hệ đáng kể với động cơ và kết quả học tập. Do đó, việc nhận diện trạng thái cảm xúc của SV có ý nghĩa quan trọng trong quá trình đánh giá những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến chất lượng học tập.

2.1.6. Khả năng chú ý, ghi nhớ và tư duy của sinh viên

Đây là những quá trình tâm lý nhận thức có vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận, xử lý và vận dụng kiến thức. Đối với các môn LLCT, SV cần có khả năng ghi nhớ các khái niệm, hiểu mối liên hệ giữa các nguyên lý và vận dụng kiến thức để phân tích những vấn đề thực tiễn. Tuy nhiên, một số SV có thể gặp khó khăn trong việc duy trì sự tập trung, dễ bị phân tán bởi điện thoại, mạng xã hội hoặc các hoạt động bên ngoài lớp học. Ví dụ, SV ngành Kỹ thuật điện và Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử thường xuyên tiếp cận với các hoạt động thực hành, tính toán và xử lý kỹ thuật; khi chuyển sang học những nội dung như phép biện chứng duy vật hoặc các quy luật cơ bản của triết học, các em có thể gặp khó khăn nếu chưa hình thành phương pháp tư duy khái quát. Đối với SV ngành Sư phạm Toán học, việc ghi nhớ nội dung lý luận mà không hiểu mối quan hệ logic giữa các khái niệm cũng có thể hạn chế khả năng vận dụng. Bên cạnh đó, thói quen học thuộc lòng, thiếu hệ thống hóa kiến thức có thể dẫn đến tình trạng nhanh quên và học tập thiếu chiều sâu. Vì vậy, cần nhận diện khả năng chú ý, ghi nhớ và tư duy như những yếu tố có ảnh hưởng đến hiệu quả lĩnh hội kiến thức của SV.

2.1.7. Khả năng tự điều chỉnh và quản lý hoạt động học tập

Tự điều chỉnh học tập thể hiện khả năng xác định mục tiêu, lập kế hoạch, lựa chọn phương pháp, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả học tập của bản thân. Đây là yếu tố quan trọng giúp SV chuyển từ học tập thụ động sang chủ động, tự giác. Chẳng hạn, SV ngành Quản trị kinh doanh và Marketing có thể phải đồng thời thực hiện các bài tập nhóm, dự án chuyên ngành và hoạt động thực tế. Nếu không biết phân bổ thời gian hợp lý, SV dễ ưu tiên các học phần có yêu cầu thực hành trước mắt, trong khi dành ít thời gian cho việc tự nghiên cứu các môn LLCT. Tương tự, SV ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non có thể phải chuẩn bị giáo án, thực hành nghiệp vụ và tham gia kiến tập, thực tập nên dễ gặp khó khăn trong việc duy trì kế hoạch tự học. Biểu hiện thường gặp là trì hoãn việc đọc tài liệu, không chuẩn bị bài trước khi đến lớp và chỉ tập trung ôn tập khi gần đến kỳ thi. Những hạn chế này không chỉ phản ánh kỹ năng quản lý thời gian mà còn liên quan đến tính tự giác, khả năng kiểm soát hành vi và ý thức trách nhiệm đối với hoạt động học tập.

2.2. Giải pháp nhận diện và khắc phục những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến việc học tập các môn Lý luận chính trị của sinh viên Trường Đại học Hải Dương

2.2.1. Tăng cường khảo sát, nhận diện và đánh giá những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến việc học tập của sinh viên theo từng nhóm ngành đào tạo

Khoa Chính trị - Tâm lý - Giáo dục học cần chủ động phối hợp với các khoa, đơn vị quản lý SV tổ

chức khảo sát định kỳ về nhận thức, động cơ, hứng thú, mức độ tự tin, khả năng tập trung và những áp lực mà SV gặp phải khi học các môn LLCT. Có thể sử dụng phiếu hỏi, phỏng vấn nhóm, quan sát hoạt động trên lớp và phân tích kết quả học tập để nhận diện những khó khăn nổi bật. Chẳng hạn, đối với SV ngành Giáo dục chính trị cần quan tâm đánh giá khả năng lập luận, trình bày và bảo vệ quan điểm trước tập thể; đối với SV ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cần tìm hiểu mức độ tự tin, khả năng tiếp nhận kiến thức lý luận và nhu cầu được hỗ trợ trong học tập; đối với SV các ngành khác cần chú ý đến nhận thức về tính ứng dụng của môn học và khả năng liên hệ kiến thức với chuyên môn. Kết quả khảo sát là căn cứ để GV điều chỉnh phương pháp giảng dạy, đồng thời giúp nhà trường xây dựng những hình thức hỗ trợ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

2.2.2. Nâng cao nhận thức, định hướng động cơ và xây dựng thái độ học tập tích cực cho sinh viên

Giảng viên cần giúp SV nhận thức rõ các môn LLCT không chỉ cung cấp kiến thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng mà còn góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị và trách nhiệm xã hội. Để khắc phục tâm lý xem nhẹ các môn học cần tăng cường liên hệ nội dung lý luận với đặc điểm nghề nghiệp của từng ngành đào tạo. Ví dụ, đối với SV ngành Giáo dục chính trị, GV cần làm rõ ý nghĩa của kiến thức triết học, kinh tế chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh đối với việc hình thành năng lực giảng dạy, tuyên truyền và giáo dục chính trị tư tưởng. Đối với SV ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, có thể liên hệ quan điểm về con người, quyền bình đẳng, công bằng xã hội và phát triển con người toàn diện với trách nhiệm nghề nghiệp trong hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt. Đối với SV các ngành Quản lý giáo dục cần phân tích mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn quản lý, vai trò của tư duy biện chứng trong giải quyết những vấn đề nảy sinh tại các cơ sở giáo dục. Việc làm rõ giá trị thực tiễn của môn học sẽ góp phần chuyển đổi động cơ học tập từ đối phó với kiểm tra, thi cử sang nhu cầu tự giác tìm hiểu và vận dụng kiến thức.

2.2.3. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo và hứng thú nhận thức của sinh viên

Giảng viên cần giảm dần phương pháp truyền thụ kiến thức một chiều, tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, tranh biện, nghiên cứu trường hợp và dạy học theo dự án. Đối với SV ngành Giáo dục chính trị có thể tổ chức hoạt động đóng vai GV, xây dựng bài thuyết trình hoặc xử lý những tình huống liên quan đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong nhà trường. Đối với SV ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, khi giảng dạy nội dung về con người và xã hội, GV có thể đưa ra tình huống về quyền tiếp cận giáo dục, sự hòa nhập và bình đẳng trong cơ hội học tập để SV phân tích trên cơ sở kiến thức lý luận. Đối với SV các ngành kinh tế, kỹ thuật và công nghệ, có thể sử dụng những vấn đề về phát triển kinh tế, chuyển đổi số, quan hệ lao động và trách nhiệm xã hội để minh họa các nguyên lý triết học và kinh tế chính trị. Chẳng hạn, khi giảng dạy quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất, SV có thể phân tích quá trình tích lũy kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để hình thành năng lực chuyên môn. Nguyễn Thị Hà Thu (2026) cho rằng đổi mới phương pháp dạy học LLCT theo hướng phát triển tư duy phản biện là một định hướng quan trọng, trong đó cần tăng cường hoạt động trao đổi, tranh luận và giải quyết vấn đề thực tiễn. Đây là cơ sở tham khảo phù hợp để nâng cao chất lượng tổ chức dạy học tại nhà trường.

2.2.4. Xây dựng môi trường học tập dân chủ, thân thiện nhằm khắc phục tâm lý thiếu tự tin, e ngại và sợ mắc lỗi của sinh viên

Một trong những nguyên nhân khiến SV ít tham gia thảo luận là tâm lý lo lắng khi phải trình bày quan điểm trước tập thể, sợ trả lời sai hoặc bị đánh giá tiêu cực. Vì vậy, GV cần tạo môi trường giao tiếp sư phạm tích cực, khuyến khích SV đặt câu hỏi, trao đổi và phản biện trên tinh thần tôn trọng. Đối với SV ngành Giáo dục chính trị có thể tổ chức các buổi tập giảng, thuyết trình và tranh biện về những vấn đề lý luận, qua đó giúp các em rèn luyện khả năng diễn đạt và bảo vệ lập trường khoa học. Đối với SV ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cần chú trọng xây dựng hoạt động học tập hợp tác, tạo điều

kiện để SV thể hiện quan điểm và chia sẻ kinh nghiệm về giáo dục hòa nhập còn SV các ngành khác, GV có thể giao nhiệm vụ theo nhóm nhỏ, sau đó lựa chọn đại diện trình bày kết quả trước lớp. Trong quá trình đánh giá GV cần ghi nhận sự tiến bộ, tinh thần tham gia và khả năng lập luận của SV, không chỉ chú trọng kết quả cuối cùng.

2.2.5. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng tự điều chỉnh hoạt động học tập của sinh viên

Giảng viên cần hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập cụ thể, biết xác định mục tiêu, lựa chọn tài liệu, phân bổ thời gian và tự đánh giá kết quả. Việc sử dụng sơ đồ tư duy, bảng hệ thống hóa kiến thức, câu hỏi tự kiểm tra và nhật ký học tập cần được khuyến khích giúp SV ghi nhớ kiến thức có hệ thống, tránh học thuộc lòng máy móc. Ví dụ, SV ngành Giáo dục chính trị có thể xây dựng sơ đồ tư duy về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sau đó vận dụng để phân tích một vấn đề chính trị - xã hội cụ thể. SV ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật có thể xây dựng bảng liên hệ giữa các quan điểm về con người, xã hội và bình đẳng với hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập. SV ngành Quản lý giáo dục có thể vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử - cụ thể để phân tích một tình huống quản lý tại cơ sở giáo dục. Ngoài ra cần giao nhiệm vụ tự học theo từng chủ đề, có hướng dẫn về tài liệu và tiêu chí đánh giá rõ ràng. Qua đó, SV từng bước hình thành tính tự giác, khả năng kiểm soát hành vi và thói quen học tập thường xuyên.

2.2.6. Tăng cường ứng dụng công nghệ số và học liệu điện tử nhằm tạo môi trường học tập linh hoạt, hấp dẫn

Khoa Chính trị - Tâm lý - Giáo dục học cần phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng, cập nhật hệ thống bài giảng điện tử, video minh họa, ngân hàng câu hỏi và tài liệu tham khảo phục vụ các học phần LLCT. Việc ứng dụng công nghệ cần gắn với yêu cầu nâng cao khả năng tự học, tăng tương tác và giảm tâm lý khó tiếp cận những nội dung trừu tượng. Chẳng hạn, khi học về sự phát triển của xã hội loài người, GV có thể sử dụng sơ đồ, hình ảnh và video tư liệu giúp SV hình dung các giai đoạn lịch sử. Khi học về tư tưởng Hồ Chí Minh, có thể khai thác tư liệu lịch sử, hình ảnh và những câu chuyện thực tiễn để tăng khả năng ghi nhớ và cảm nhận của người học. Đối với SV các ngành công nghệ, có thể giao nhiệm vụ tìm kiếm, đối chiếu và đánh giá thông tin trên môi trường số, qua đó rèn luyện tư duy độc lập và khả năng nhận diện thông tin thiếu chính xác. Nguyễn Thị Thảm và Trần Việt Dũng (2025) đã đề cập vai trò của dữ liệu và lưu trữ dữ liệu các môn LLCT trong quá trình chuyển đổi số tại Trường Đại học Hải Dương. Nghiên cứu cho thấy ứng dụng công nghệ cần được thực hiện đồng thời với đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động học tập và hỗ trợ tâm lý cho SV.

2.2.7. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ tâm lý và phối hợp quản lý sinh viên giữa các khoa trong nhà trường

Những biểu hiện như lo lắng, căng thẳng, thiếu động lực, mất tập trung và trì hoãn nhiệm vụ học tập cần được phát hiện sớm để có biện pháp hỗ trợ phù hợp. Khoa Chính trị - Tâm lý - Giáo dục học có lợi thế chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý và giáo dục, do đó cần phối hợp với cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm hoặc các đơn vị quản lý SV để tổ chức tư vấn phương pháp học tập, hướng dẫn kỹ năng quản lý thời gian và hỗ trợ những trường hợp gặp khó khăn. Ví dụ, đối với SV ngành Giáo dục chính trị cần quan tâm đến áp lực khi thực hiện các nhiệm vụ thuyết trình, thực hành sư phạm và nghiên cứu khoa học. Đối với SV ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cần chú trọng hỗ trợ khả năng thích ứng với các nhiệm vụ thực hành, tình huống nghề nghiệp và yêu cầu giao tiếp trong môi trường giáo dục hòa nhập. Đối với SV các ngành khác cần quan tâm đến áp lực từ việc thực hiện đồng thời các học phần chuyên ngành, thực hành và học phần đại cương. Nhà trường cũng cần xây dựng kênh tiếp nhận thông tin và tư vấn tâm lý phù hợp, bảo đảm tính riêng tư, tôn trọng và không kỳ thị người học. Việc hỗ trợ kịp thời sẽ góp phần giảm căng thẳng, củng cố sự tự tin và nâng cao khả năng thích ứng của SV.

2.2.8. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, nghiên cứu khoa học và trải nghiệm thực tiễn gắn với nội dung lý luận chính trị

Nhà trường có thể tổ chức diễn đàn SV với chủ đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập

và rèn luyện; cuộc thi tìm hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; hoạt động nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương và các chương trình về nguồn. Đối với SV ngành Giáo dục chính trị GV có thể tổ chức cuộc thi thiết kế bài giảng, thuyết trình hoặc hùng biện về những vấn đề lý luận và thực tiễn. Đối với SV ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật có thể tổ chức tọa đàm về quyền bình đẳng, giáo dục hòa nhập và trách nhiệm xã hội đối với người khuyết tật. Đối với SV các ngành kinh tế, kỹ thuật và công nghệ có thể tổ chức hoạt động nghiên cứu về tác động của chuyển đổi số, phát triển kinh tế và trách nhiệm của nguồn nhân lực trẻ đối với xã hội. Những hoạt động này giúp SV thấy rõ hơn mối liên hệ giữa kiến thức lý luận với cuộc sống, đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm và ý thức tham gia giải quyết các vấn đề thực tiễn.

3. Kết luận

Việc học tập các môn LLCT có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, bản lĩnh chính trị và phẩm chất nhân cách của SV. Tuy nhiên, hiệu quả học tập không chỉ phụ thuộc vào nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy hay điều kiện học tập mà còn chịu sự chi phối của nhiều yếu tố tâm lý bên trong người học. Qua phân tích cơ sở lý luận có thể nhận diện một số yếu tố tâm lý cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động học tập của SV, bao gồm: nhận thức về vai trò, ý nghĩa môn học; động cơ và hứng thú học tập; sự tự tin và trạng thái cảm xúc; khả năng chú ý, ghi nhớ, tư duy; áp lực tâm lý và khả năng quản lý thời gian. Những yếu tố này có mối quan hệ tác động qua lại, ảnh hưởng đến thái độ, tính tích cực, mức độ chủ động và khả năng tiếp thu, vận dụng kiến thức của SV. Để khắc phục những hạn chế về tâm lý trong học tập các môn LLCT tại Trường Đại học Hải Dương cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ phía SV, GV và nhà trường. Trong đó, SV cần chủ động nâng cao nhận thức, xây dựng động cơ học tập đúng đắn, đổi mới phương pháp tự học và rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc. GV cần đổi mới phương pháp tổ chức dạy học, tăng cường liên hệ lý luận với thực tiễn, tạo môi trường trao đổi học thuật cởi mở và khuyến khích tư duy độc lập. Nhà trường cần quan tâm xây dựng môi trường học tập tích cực, tăng cường hoạt động học thuật và hỗ trợ tâm lý cho SV.

Tài liệu tham khảo

Lê Thanh Hòa, Lại Quang Ngọc (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập trực tuyến của sinh viên đối với các môn Lý luận chính trị - Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh,* 66(6), 107-118. https://doi.org/10.46242/jstiuh.v66i06.4993.

Ngô Thị Phương Lan (2024). Thực trạng giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở bậc đại học dưới góc nhìn của sinh viên. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh,* số 3 (309), 41-50.

Nguyễn Thị Hà Thu (2026). Đổi mới phương pháp dạy - học các môn Lý luận chính trị theo hướng phát triển năng lực tư duy phản biện của sinh viên. *Tạp chí Quản lý nhà nước,* tháng 2.

Nguyễn Thị Phương Dung (2025). Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực học tập trực tuyến các môn Lý luận chính trị của sinh viên hiện nay. https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/04/17/cac-yeu-to-anh-huong-toi-dong-luc-hoc-tap-truc-tuyen-cac-mon-ly-luan-chinh-tri-cua-sinh-vien-hien-nay/, ngày 17/04/2025.

Nguyễn Thị Thảm, Trần Việt Dũng (2025). Dữ liệu và lưu trữ dữ liệu các môn Lý luận chính trị trong chuyển đổi số tại Trường Đại học Hải Dương. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục,* số 324, kỳ 1, tháng 11, tr. 232-234.

Trần Quốc Hưng (2025). Khắc phục khó khăn tâm lý của sinh viên Trường Đại học Hải Dương trong học các môn Lý luận chính trị hiện nay. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội,* số 177 (238), tháng 12, tr. 76-81.

Xie, J., Cho, K. W., Wei, T., Xu, J., & Fan, M. (2025). The effects of academic emotions on learning outcomes: A three-level meta-analysis of research conducted between 2000 and 2024. *Learning and Motivation*, 90, 102109.